

Số: 1648/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án “Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2035”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 426/SKHĐT-TH ngày 28/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương và dự toán kinh phí lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án “Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2035”.

Điều 2. Trên cơ sở đề cương này, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương thực hiện hoàn thành Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *2m 14*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K1. *Bme*



anh
Hồ Quốc Dũng

THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

Kèm theo Quyết định số ~~1642~~ 1642/QĐ-UBND
ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh)

1	Tên đề cương: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC ĐỐI VỚI DỰ ÁN “RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035”
2	Cơ quan quản lý và chủ trì: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Điện thoại: 056. 3815519 Fax: 056.3815517 E-mail: banbientap@binhdinh.gov.vn Website: www.binhdinh.gov.vn Địa chỉ: 01 Trần Phú, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
3	Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định Điện thoại: 056.3822628 Fax: 056.3824509 Email: skhdt@binhdinh.gov.vn Website: www.skhdtbinhdinh.gov.vn Địa chỉ: 35 Lê Lợi, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
4	Cơ quan tư vấn: Điện thoại: Fax: E-mail: Website Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Số tài khoản: Mã số thuế:
5	Xuất xứ của nhiệm vụ lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án “Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2035”

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 (gọi tắt là QH năm 2009) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2009. Từ năm 2009 đến nay, tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, suy thoái toàn cầu, nhiều thách thức đặt ra cho nền kinh tế cả nước trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Ở trong nước, nền kinh tế đối mặt với tình hình lạm phát luôn có xu hướng cao, các hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn. Trước bối cảnh và tình hình trong nước và quốc tế có những thay đổi, hướng phát triển mới, QH năm 2009 có một số nội dung không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, cả trong tỉnh Bình Định, vùng, cả nước và quốc tế. Giai đoạn 2011-2015, nhìn chung kinh tế Bình Định đã có những bước tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân cả giai đoạn (theo giá so sánh 1994) là 9,2%/năm. Cơ cấu nền kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ năm 2015 chiếm 72,3%. GRDP bình quân đầu người đạt mức khá, năm 2015 đạt 1.895 USD, gấp hơn 1,6 lần năm 2011.

Để những đánh giá, định hướng phát triển phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định; nhất là từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2020 và những yêu cầu mới đặt ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các vùng, của các ngành - lĩnh vực chủ yếu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020 (đã được Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt tại Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 09/7/2013) và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó việc nghiên cứu, xây dựng rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2035 là cần thiết, phù hợp với yêu cầu bối cảnh mới.

Trước đây, QH năm 2009 chưa được phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Trên cơ sở đó, theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015, Dự án *Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2035* thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược dưới hình thức báo cáo riêng, chi tiết do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định. Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược là một trong những tiêu chí để Chính phủ phê duyệt Dự án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2035.

6 Mục tiêu của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường của Dự án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2035 để đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường, làm nền tảng và được tích hợp trong dự án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

7 Cơ sở pháp lý thực hiện lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

Các căn cứ chính để thực hiện lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược là:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Luật Luật bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 3 tháng 12 năm 2004;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về quản lý lưu vực sông;
- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành luật bảo vệ và phát triển rừng;
- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước vào xử lý nước thải;
- Nghị định số 114/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung điều 21 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại;
- Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;
- Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020;
- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu;
- Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;
- Quyết định số 2149/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 81/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020;
- Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020;
- Quyết định số 1690/2010/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam;
- Quyết định số 1946/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước;
- Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến 2020, định hướng đến 2030;
- Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;
- Công văn số 531/TTg-KTN ngày 31/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về đồng ý chủ trương bổ sung Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex-Bình Định vào quy hoạch Khu kinh tế Nhơn Hội.

8

Nội dung của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

NỘI DUNG 1: MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng quy hoạch
2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)
 - 2.1. Căn cứ pháp luật
 - 2.2. Căn cứ kỹ thuật
 - 2.3. Phương pháp thực hiện ĐMC
 - 2.4. Tài liệu, dữ liệu cho thực hiện ĐMC
3. Tổ chức thực hiện ĐMC

NỘI DUNG 2: TÓM TẮT NỘI DUNG QUY HOẠCH

- 1.1. Tên của quy hoạch
- 1.2. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng quy hoạch
- 1.3. Mối quan hệ của quy hoạch được đề xuất với các quy hoạch khác có liên quan
- 1.4. Mô tả tóm tắt nội dung của quy hoạch

NỘI DUNG 3: PHẠM VI ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC VÀ ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Phạm vi không gian và thời gian của đánh giá môi trường chiến lược

2.1.1. Phạm vi không gian

2.1.2. Phạm vi thời gian

2.2. Điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội (KT-XH)

2.2.1. Điều kiện địa lý, địa chất

2.2.2. Điều kiện khí tượng, thủy văn/hải văn

2.2.3. Hiện trạng các thành phần môi trường tự nhiên

2.2.4. Điều kiện về kinh tế

2.2.5. Điều kiện về xã hội

NỘI DUNG 4: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA QUY HOẠCH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

3.1. Các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường được lựa chọn

3.2. Đánh giá sự phù hợp của quy hoạch với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường

3.3. Đánh giá, so sánh các phương án phát triển đề xuất

3.4. Những vấn đề môi trường chính

3.5. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch (phương án 0)

3.6. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch

3.6.1. Đánh giá, dự báo tác động của quy hoạch đến môi trường

3.6.2. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính

3.6.3. Dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện quy hoạch

3.7. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo

NỘI DUNG 5: THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

4.1. Thực hiện tham vấn

4.2. Kết quả tham vấn

NỘI DUNG 6: GIẢI PHÁP DUY TRÌ XU HƯỚNG TÍCH CỰC, PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU XU HƯỚNG TIÊU CỰC CỦA CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH

5.1. Các nội dung của quy hoạch đã được điều chỉnh trên cơ sở kết quả của đánh giá môi trường chiến lược

5.1.1. Các đề xuất, kiến nghị từ kết quả của ĐMC

5.1.2. Các nội dung của quy hoạch đã được điều chỉnh

5.2. Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện quy hoạch

5.2.1. Các giải pháp về tổ chức, quản lý

5.2.2. Các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật

5.2.3. Định hướng về đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

5.3. Các giải pháp giảm nhẹ, thích ứng với biến đổi khí hậu

5.3.1. Các giải pháp giảm nhẹ

5.3.2. Các giải pháp thích ứng

5.4. Các giải pháp khác (nếu có)

NỘI DUNG 7: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

6.1. Quản lý môi trường

6.2. Giám sát môi trường

NỘI DUNG 8: KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Về mức độ ảnh hưởng tiêu cực lên môi trường của quy hoạch

2. Về hiệu quả của ĐMC

3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch và kiến nghị hướng xử lý

9

Các hoạt động phục vụ nội dung báo cáo:

9.1. Thu thập, bổ sung, phân tích các tài liệu, số liệu về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tỉnh Bình Định

a) Số liệu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên: Địa chất, khí hậu, thủy văn, đất, rừng, biển, đa dạng sinh học...

b) Số liệu về kinh tế - xã hội: Dân cư, lao động, văn hóa, giáo dục, y tế, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, dịch vụ, sử dụng đất năm 2015.

c) Tài liệu, số liệu về hiện trạng môi trường (giai đoạn 2010 - 2015):

- Hiện trạng môi trường không khí.
- Hiện trạng môi trường nước mặt.
- Hiện trạng môi trường nước dưới đất.
- Hiện trạng môi trường đất.
- Hiện trạng rừng.
- Hiện trạng chất thải rắn.

d) Số liệu về chất thải môi trường:

- Tổng lượng và hàm lượng nước thải, chất thải rắn công nghiệp tại các khu - cụm công nghiệp, các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm lớn ở các huyện, thị xã, thành phố.
- Tổng lượng và hàm lượng nước thải, chất thải rắn y tế.
- Tổng lượng và hàm lượng rác thải sinh hoạt tại các huyện, thị xã, thành phố và các khu đô thị mới.
- Tổng lượng và hàm lượng chất thải các loại tại các khu vực khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản.
- Thông tin về các bãi rác, bãi chôn lấp rác, các trạm trung chuyển rác.
- Thông tin về tổng lượng chất thải độc hại và các biện pháp xử lý.

đ) Số liệu về cơ sở hạ tầng môi trường:

- Hệ thống quản lý nước thải và chất thải rắn tại các khu - cụm công nghiệp, các nhà máy gây ô nhiễm.
- Hệ thống quản lý nước thải, rác thải sinh hoạt và hệ thống cấp thoát nước tại các đô thị, thị trấn, khu đô thị mới.
- Hệ thống quản lý chất thải tại các cơ sở y tế.

- Hệ thống quản lý chất thải tại các khu vực khai thác khoáng sản.
- Hệ thống quản lý chất thải và phế thải từ hoạt động nông nghiệp.

e) Tình hình quản lý các nguồn tài nguyên và môi trường của địa phương:

- Các thông tin về các nguồn rừng, các khu bảo tồn thiên nhiên, các vùng dự trữ tài nguyên và sinh quyển, các khu vực phát triển đa dạng sinh học.
- Thực trạng về công tác quản lý môi trường cấp tỉnh và cấp huyện.
- Các chính sách liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường do địa phương ban hành.

9.2. Lấy ý kiến tham vấn cộng đồng theo phương pháp hội thảo: Đối tượng được mời tham vấn ý kiến là các lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh.

10

Cách tiếp cận, phương pháp và phạm vi nghiên cứu

10.1. Cách tiếp cận

- Theo tài liệu;

- Tự nghiên cứu.

10.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê xử lý số liệu;

- Phương pháp phân tích;

- Phương pháp chuyên gia;

- Phương pháp đánh giá tổng hợp.

10.3. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Bình Định và khu vực lân cận.

- Phạm vi thời gian: thu thập các thông tin, số liệu đánh giá hiện trạng kinh tế xã hội và môi trường giai đoạn 2011 – 2015 và dự báo xu thế diễn biến trong tương lai đến năm 2020.

11

Sản phẩm chính của báo cáo và yêu cầu chất lượng cần đạt: (liệt kê theo dạng sản phẩm)

TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	Báo cáo tổng hợp đánh giá môi trường chiến lược theo quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BTTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Các báo cáo khoa học đạt tiêu chuẩn quốc gia.	
2	Các bản đồ, sơ đồ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tỉnh Bình Định.	Tỷ lệ 1/100.000	01 bản

12

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Định mức
I	Thành phần chi phí			

1	Mức chi phí chuẩn	$G_{ĐMC\text{chuẩn}}$	Theo thông tư liên tịch số: 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT	225.000.000
2	Hệ số quy mô diện tích tự nhiên	H_1	Phụ lục I Thông tư liên tịch số: 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT	1,10
3	Hệ số đánh giá mức độ tác động của ngành, lĩnh vực	H_2	Phụ lục II Thông tư liên tịch số: 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT	1,00
4	Hệ số khu vực đặc biệt	H_3	Phụ lục III Thông tư liên tịch số: 50/2012/TTLT-BTC-BTNMT	1,50
II	Tổng mức chi phí cho dự án khi chưa thay đổi lương	$G_{ĐMC}$	$G_{ĐMC} = G_{ĐMC\text{ chuẩn}} \times H_1 \times H_2 \times H_3$	371.250.000
III	Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu	$G_{ĐMCCĐ}$	$G_{ĐMCCĐ} = G_{ĐMC} \times (0,4 + 0,6 L_{CD} / L_{HT})$	473.231.928
IV	Thuế VAT (5%)	G_{VAT}	$G_{VAT} = (G_{ĐMCCĐ} + G_{LMPT}) \times 5\%$	23.661.596
V	Tổng chi phí sau thuế VAT	G_T	$G_T = G_{ĐMCCĐ} + G_{VAT}$	496.893.524
VI	Đề nghị làm tròn			496.800.000
(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn)				